

<ul style="list-style-type: none"> - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt. - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhớ - viết bài vào vở
<p>4. Đánh giá và nhận xét bài: (5p) * Mục tiêu: Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai * Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo. - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài - Nhận xét nhanh về bài viết của HS 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau - Lắng nghe.
<p>5. Làm bài tập chính tả: (5p) * Mục tiêu: Giúp HS phân biệt được r/d/gi * Cách tiến hành: Cá nhân - Cặp đôi - Chia sẻ trước lớp</p>	
<p>Bài 2a: Điền vào chỗ trống r/d/gi</p> <p>Bài 3a:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS học tập những nét hay, nét đẹp trong bài văn miêu tả cây mai để vận dụng trong viết văn miêu tả <p>6. Hoạt động ứng dụng (1p)</p> <p>7. Hoạt động sáng tạo (1p)</p>	<p>Đ/a:</p> <p>Mưa giăng trên đồng Uôn mềm ngọn lúa Hoa xoan theo gió Rải tím mặt đường</p> <p>Đ/a:</p> <p>Những tiếng thích hợp trong ngoặc đơn cần chọn là: dáng – dần – điểm – rắn – thấm – dài – rõ – mẫn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết lại 5 lần các từ viết sai trong bài chính tả - Lấy VD để phân biệt ra/da/gia

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

TOÁN

Tiết 101: LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Ôn tập kiến thức về rút gọn phân số

2. Kỹ năng

- Rút gọn được phân số.
- Nhận biết được tính chất cơ bản của phân số.

3. Thái độ

- HS tích cực, cẩn thận khi làm bài

4. Góp phần phát huy các năng lực

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

* BT cần làm: Bài 1, bài 2, bài 4 (a, b).

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Phiếu học tập.
- HS: SGK,.

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm
- Kỹ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5p) - GV giới thiệu bài mới	- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ
2. Hoạt động thực hành: (18p) * Mục tiêu: Nắm rõ tính chất của phân số. Thực hiện rút gọn được phân số * Cách tiến hành: Cá nhân, nhóm, cả lớp.	
Bài 1: Rút gọn các phân số. - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập. - GV chốt đáp án. - Củng cố cách rút gọn phân số. + <i>Khi rút gọn PS cần lưu ý điều gì?</i>	- Thực hiện cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp Đáp án: $\frac{14}{28} = \frac{14:14}{28:14} = \frac{1}{2}$ $\frac{25}{50} = \frac{25:25}{50:25} = \frac{1}{2}$ $\frac{48}{30} = \frac{48:2}{30:2} = \frac{24}{15}$ $\frac{81}{54} = \frac{81:9}{54:9} = \frac{9}{6} = \frac{9:3}{6:3} = \frac{3}{2}$ + <i>Rút gọn phân số tới tối giản</i>
Bài 2: Trong các phân số dưới đây, phân số... + <i>Để biết phân số nào bằng phân số $\frac{2}{3}$ chúng ta làm như thế nào?</i>	- HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp + <i>Chúng ta rút gọn các phân số, phân số nào được rút gọn thành $\frac{2}{3}$ thì phân số đó bằng phân số $\frac{2}{3}$.</i>

Bài 4a, b: HS năng khiếu làm cả bài.

- Nhận xét, chốt đáp án đúng.

Bài 3 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)

4. Hoạt động ứng dụng (1p)

5. Hoạt động sáng tạo (1p)

Đáp án: + 2 PS rút gọn thành $\frac{2}{3}$ là:

$$\frac{20}{30} = \frac{20:10}{30:10} = \frac{2}{3} \qquad \frac{8}{12} = \frac{8:4}{12:4} = \frac{2}{3}$$

+ Phân số $\frac{8}{9}$ là phân số tối giản và

không bằng phân số $\frac{2}{3}$

- Thực hiện nhóm đôi – Chia sẻ lớp

Đ/á: VD:

$$\frac{8x7x5}{11x8x7} = \frac{5}{11} \qquad \frac{19x2x5}{19x3x5} = \frac{2}{3}$$

- HS làm vở Tự học – Chia sẻ lớp

Đáp án: Thực hiện rút gọn các PS về dạng tối giản

$$\frac{25}{100} = \frac{25:25}{100:25} = \frac{1}{4} \qquad \frac{50}{150} = \frac{50:50}{150:50} = \frac{1}{3}$$

$$\frac{5}{20} = \frac{5:5}{20:5} = \frac{1}{4} \qquad \frac{8}{32} = \frac{8:8}{32:8} = \frac{1}{4}$$

Các phân số bằng phân số $\frac{25}{100}$ là:

$$\frac{5}{20} \text{ và } \frac{8}{32}$$

- Ghi nhớ KT của bài

- Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải.

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ (VNEN)

CHIẾN THẮNG CHI LĂNG

VÀ NƯỚC ĐẠI VIỆT BUỔI ĐẦU THỜI HẬU LÊ (T1)

.....

.....

LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)

**NHÀ HẬU LÊ VÀ VIỆC TỔ CHỨC
QUẢN LÝ ĐẤT NƯỚC**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết nhà Hậu Lê đã tổ chức quản lý đất nước tương đối chặt chẽ: soạn Bộ luật Hồng Đức, vẽ bản đồ đất nước; uy quyền tập trung vào tay vua

2. Kỹ năng

- Biết cách xâu chuỗi các sự kiện lịch sử.

** ĐCND: Không cần nắm nội dung của bộ luật Hồng Đức, chỉ cần biết bộ luật được soạn thảo thời Hậu Lê*

3. Thái độ

- Có tinh thần học tập nghiêm túc, tôn trọng lịch sử

4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: + Phiếu học tập cho HS.
+ Tranh minh họa như SGK (nếu có)
- HS: SGK, bút

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.
- KT: Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: (4p) + <i>Tại sao quân ta chọn ải Chi Lăng làm trận địa đánh địch?</i> + <i>Em hãy thuật lại trận phục kích của quân ta tại ải Chi Lăng?</i> - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới	- TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét: + <i>Ái Chi Lăng hiểm trở thuận lợi cho việc mai phục của quân ta...</i> + <i>Liễu Thăng cầm đầu một đạo quân đánh vào Lạng Sơn....</i>
2. Bài mới: (30p) * Mục tiêu: Biết nhà Hậu Lê đã tổ chức quản lý đất nước tương đối chặt chẽ: soạn Bộ luật Hồng Đức, vẽ bản đồ đất nước; uy quyền tập trung vào tay vua * Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm - Lớp	
* Giới thiệu bài: Cuối bài học trước, chúng ta đã biết sau trận đại bại ở Chi Lăng, quân Minh phải rút về nước, nước ta hoàn toàn	- Lắng nghe

độc lập. Lê Lợi lên ngôi vua, lập ra triều đại Hậu Lê. Triều đại này đã tổ chức, cai quản đất nước như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay

HD1: Một số nét khái quát về nhà Hậu Lê:

- GV giới thiệu một số nét khái quát về nhà Lê: Tháng 4- 1428, Lê Lợi chính thức lên ngôi vua, đặt lại tên nước là Đại Việt. Nhà Hậu Lê trải qua một số đời vua. Nước đại Việt ở thời Hậu Lê phát triển rực rỡ nhất ở đời vua Lê Thánh Tông (1460- 1497).

- GV phát phiếu học tập cho HS.

+ *Nhà Hậu Lê ra đời trong thời gian nào? Ai là người thành lập? Đặt tên nước là gì? Đóng đô ở đâu?*

+ *Vì sao triều đại này gọi là triều Hậu Lê?*

+ *Việc quản lý đất nước dưới thời Hậu Lê như thế nào?*

+ *Tại sao nói vua có uy quyền tuyệt đối?*

*** Việc quản lý đất nước thời Hậu Lê rất chặt chẽ. Mọi quyền hành đều tập trung vào tay vua**

HD2: Bản đồ Hồng Đức. Bộ luật Hồng Đức

- GV giới thiệu vai trò của bản đồ Hồng Đức, Bộ luật Hồng Đức rồi nhấn mạnh: Đây là công cụ để quản lý đất nước.

- GV giúp HS tìm hiểu đôi nét bản đồ và bộ luật

+ *Ai là người cho vẽ bản đồ và xây dựng bộ luật?*

+ *Luật Hồng Đức bảo vệ quyền lợi của ai?*

- **GV nhận xét và kết luận: Gọi là Bản đồ Hồng Đức, bộ luật Hồng Đức vì chúng cùng ra đời dưới thời vua Lê Thánh Tông, lúc ở ngôi vua đặt niên hiệu là Hồng Đức. Nhờ có bộ luật này những chính sách phát triển kinh tế, đối nội, đối ngoại sáng suốt mà triều Hậu Lê đã đưa nước ta phát triển lên một tầm cao mới.**

- HS đọc thông tin SGK

- HS lắng nghe và suy nghĩ về tình hình tổ chức xã hội của nhà Hậu Lê có những nét gì đáng chú ý.

- HS làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp + *Nhà Hậu Lê ra đời năm 1428, lấy tên nước là Đại Việt, đóng đô ở Thăng Long.*

+ *Gọi là Hậu Lê để phân biệt với triều Lê do Lê Hoàn lập ra.*

+ *Việc quản lý đất nước ngày càng được củng cố và đạt tới đỉnh cao vào đời vua Lê Thánh Tông.*

+ *Mọi quyền hành đều tập trung vào tay vua. Vua trực tiếp là tổng chỉ huy quân đội*

- HS tìm hiểu cá nhân – Chia sẻ lớp.

+ *Vua Lê Thánh Tông*

+ *Vua, nhà giàu, làng xã, phụ nữ*

- Lắng nghe

3. Hoạt động ứng dụng (1p). - Hãy nêu một số luật, bộ luật có vai trò quan trọng trong quản lí đất nước hiện nay	- HS nối tiếp nêu - Tìm hiểu thêm về vua Lê Thánh Tông
4. Hoạt động sáng tạo (1p)	

ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG

.....

.....

.....

Thứ tư ngày 22 tháng 1 năm 2019

LUYỆN TỪ VÀ CÂU
CÂU KỂ : AI THẾ NÀO?

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Nhận biết được câu kể Ai thế nào? (ND Ghi nhớ).

2. Kỹ năng

- Xác định được bộ phận CN, VN trong câu kể tìm được (BT1, mục III); bước đầu viết được đoạn văn có dùng câu kể Ai thế nào? (BT2).

* HS năng khiếu viết được đoạn văn có dùng 2, 3 câu kể theo BT2.

3. Thái độ

- HS có thái độ học tập tích cực, sử dụng đúng câu kể khi nói và viết

4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: + 2, 3 tờ giấy khổ to viết đoạn văn ở phần nhận xét.

+ 1 tờ giấy viết các câu ở BT 1 (phần luyện tập).

- HS: VBT, bút

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5p) - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới	- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ
2. Hình thành KT (15 p) * Mục tiêu: Nhận biết được câu kể Ai thế nào? (ND Ghi nhớ). * Cách tiến hành: HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp	
a. Nhận xét Bài tập 1+ 2: - GV giao việc: Các em đọc kĩ đoạn văn,	Đáp án: + C1: Bên đường, cây cối <i>xanh um</i> .

dùng viết chì gạch dưới những từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái của sự vật trong các câu ở đoạn văn vừa đọc.

- GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng:

+ Các từ chỉ trạng thái là bộ phận nào trong câu kể?

Bài tập 3: Đặt câu hỏi cho ...

- GV giao việc: Đặt câu hỏi cho các từ ngữ: **xanh um, thưa thớt dần, hiền lành, trẻ và thật khỏe mạnh.**

- Cho HS làm bài. GV đưa những câu văn đã viết sẵn trên giấy khổ to trên bảng lớp cho HS nhìn lên bảng đọc và trả lời miệng.

- GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng.

+ Vị ngữ trả lời cho câu hỏi gì?

Bài tập 4: Tìm từ ngữ chỉ sự vật được miêu tả.

- YC HS xác định các từ ngữ chỉ các sự vật được miêu tả trong mỗi câu.

- GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng

+ Các từ chỉ sự vật là bộ phận nào của câu?

Bài tập 5: Đặt câu hỏi cho các từ ngữ...

- GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng.

+ Chủ ngữ trả lời cho câu hỏi gì?

b. Ghi nhớ:

- Cho HS đọc lại phần ghi nhớ.

+ C2: Nhà cửa **thưa thớt dần.**

+ C3: Chúng thật **hiền lành.**

+ C4: Anh **trẻ và thật khỏe mạnh.**

+ Vị ngữ của câu

Đáp án:

+ C1: Bên đường, cây cối **thế nào?**

+ C2: Nhà cửa **thế nào?**

+ C3: Chúng (đàn voi) **thế nào?**

+ C4: Anh (người quản tượng) **thế nào?**

+ thế nào? như thế nào?

Đáp án:

+ C1: **Bên đường, cây cối** xanh um.

+ C2: **Nhà cửa** thưa thớt dần.

+ C3: **Chúng** thật hiền lành.

+ C4: **Anh** trẻ và thật khỏe mạnh.

+ Chủ ngữ

Đáp án:

+ C1: **Bên đường, cái gì** xanh um?

+ C2: **Cái gì** thưa thớt dần?

+ C3: **Những con gì** thật hiền lành?

+ C4: **Ai** trẻ và thật khỏe mạnh ?

+ Ai? Cái gì? Con gì?

- HS đọc ghi nhớ.

3. HĐ luyện tập : (18 p)

* **Mục tiêu:** Xác định được bộ phận CN, VN trong câu kể tìm được (BT1, mục III); bước đầu viết được đoạn văn có dùng câu kể Ai thế nào? (BT2).

* **Cách tiến hành:** Cá nhân - Nhóm - Cả lớp

Bài tập 1: Đọc và trả lời câu hỏi.

- GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng

Cá nhân - Nhóm 2- Chia sẻ lớp

Đ/a:

Rồi **những người con** cũng lớn lên và lần lượt lên đường.

Căn nhà trông vắng.

Anh Khoa hồn nhiên, xởi lởi.

Anh Đức lậm lì, ít nói.

Còn **anh Tịnh** thì đĩnh đạc, chu đáo.

Cá nhân – Chia sẻ lớp

Bài tập 2: Kể về các bạn trong tổ em...

<p>- GV nhận xét và khen thưởng những HS làm bài hay.</p> <p>*Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 xác định đúng câu kể <i>Ai thế nào?</i></p> <p>4. HĐ ứng dụng (1p)</p> <p>5. HĐ sáng tạo (1p)</p>	<p>VD: Tổ em có 10 bạn. Tổ trưởng là bạn Nam. Nam thông minh và học giỏi. Bạn Na dịu dàng, xinh xắn. Bạn Hoàng nghịch ngợm nhưng rất tốt bụng. Bạn Minh thì lém lỉnh, huyền thuyên suốt ngày.</p> <p>- Nắm được cấu tạo của câu kể Ai thế nào?</p> <p>- Tìm câu kể Ai thế nào? trong đoạn văn sau và xác định CN và VN của các câu kể đó.</p> <p>Bãi ngô quê em ngày càng xanh tốt. Mới dạo nào, những cây ngô còn lấm tấm như mạ non. Thế mà chỉ ít lâu sau, ngô đã thành cây rung rung trước gió và ánh nắng. Những lá ngô rộng, dài, trở ra mạnh mẽ, nõn nà.</p>
---	---

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....

.....

.....

TOÁN

Tiết 103: QUY ĐỒNG MẪU SỐ CÁC PHÂN SỐ

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Biết thế nào là quy đồng mẫu số các phân số

2. Kỹ năng

- Thực hiện quy đồng mẫu số các phân số (trong trường hợp 2 mẫu số không chia hết cho nhau)

3. Thái độ

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

4. Góp phần phát triển các kỹ năng

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

* BT cần làm: Bài 1, bài 2

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: + Máy vi tính, máy chiếu.
+ Phiếu học tập (dùng cho hoạt động 1) có nội dung như sau:

Phiếu học tập

$$\frac{1}{3} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{15} \qquad \frac{2}{5} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{15}$$

- HS: Sách, bút

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm.
- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. HĐ khởi động (3p) 1. Trong các phân số sau, phân số nào bằng phân số $\frac{1}{3}$?</p> <p>A. $\frac{1}{6}$ B. $\frac{9}{6}$ C. $\frac{5}{15}$</p> <p>- Hỏi củng cố: + Tại sao bạn không chọn đáp án A, B?</p> <p>+VẬY em đã làm thế nào để tìm ra $\frac{5}{15}$?</p> <p>2. Trong các phân số sau, phân số nào bằng phân số $\frac{6}{15}$?</p> <p>A. $\frac{2}{5}$ B. $\frac{2}{15}$ C. $\frac{6}{5}$</p> <p>- GV hỏi củng cố: + Tại sao bạn không chọn đáp án B, C?</p> <p>+Bạn đã làm thế nào để tìm ra $\frac{2}{5}$?</p> <p>- Gọi HS nhắc lại tính chất cơ bản của phân số. - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới</p>	<p>- TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.</p> <p>1. Chọn đáp án. C</p> <p>+ Vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> • A: Nhân mẫu số với 2 nhưng giữ nguyên tử số. • B: Tử số nhân với 9 nhưng mẫu số lại nhân với 2. <p>+ Nhân cả tử số và mẫu số với 5.</p> <p>2. Chọn đáp án. A</p> <p>+ Vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> • B: Giữ nguyên mẫu số, chia tử số cho 3. • C: Giữ nguyên tử số, chia mẫu số cho 3. <p>+ Chia cả tử số và mẫu số cho 3.</p> <p>- 1 HS nhắc lại.</p>
<p>2. Hình thành kiến thức (15p) * Mục tiêu: Biết thế nào là quy đồng mẫu số các phân số * Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp</p>	

***Hoạt động 1: Tìm hiểu ví dụ:**

- GV chiếu ví dụ SGK, gọi HS đọc, xác định yêu cầu của đề.

- GV yêu cầu HS vận dụng tính chất cơ bản của phân số để hoàn thành phiếu bài tập sau (Nội dung phiếu như ở phần đồ dùng dạy học).

- GV chốt kết quả, khen ngợi/ động viên HS.

- Yêu cầu HS nhắc lại cách làm, kết hợp chiếu kết quả.

- GV rút ra nhận xét:

+ *Em đã tìm được phân số nào bằng phân số $\frac{1}{3}$?*

+ *Em đã tìm được phân số nào bằng phân số $\frac{2}{5}$?*

+ *Em có nhận xét gì về mẫu số của 2 phân số này? (Kết hợp hiệu ứng mẫu số)*

- **GV kết luận:** Hai phân số $\frac{1}{3}$ và $\frac{2}{5}$ đã được quy đồng mẫu số thành hai phân số $\frac{5}{15}$ và $\frac{6}{15}$; 15 gọi là mẫu số

- HS đọc, xác định yêu cầu của đề.

- HS thảo luận nhóm đôi – Chia sẻ lớp

+ *Để tìm được phân số bằng phân số $\frac{1}{3}$ thì nhân cả tử số và mẫu số của phân số $\frac{1}{3}$ với cùng một số tự nhiên khác 0.*

+ *Để tìm được phân số bằng phân số $\frac{2}{5}$ em thì nhân cả tử số và mẫu số của phân số $\frac{2}{5}$ với cùng một số tự nhiên khác 0.*

+ *Để 2 PS mới có cùng MS thì PS $\frac{1}{3}$ có thể nhân cả TS và MS với 5, PS $\frac{2}{5}$ nhân cả TS và MS với 3*

- HS hoàn thành phiếu học tập cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp

Đáp án:

$$\frac{1}{3} = \frac{1 \times 5}{3 \times 5} = \frac{5}{15} \quad \frac{2}{5} = \frac{2 \times 3}{5 \times 3} = \frac{6}{15}$$

+ Phân số $\frac{5}{15}$

+ Phân số $\frac{6}{15}$

+ Hai phân số $\frac{5}{15}$ và $\frac{6}{15}$ đều có mẫu số là 15.

- HS nhắc lại.

chung của 2 phân số $\frac{5}{15}$ và $\frac{6}{15}$.

***Hoạt động 2: Hướng dẫn cách quy đồng mẫu số các phân số:**

VD: Quy đồng MS 2 phân số : $\frac{1}{3}$ và $\frac{2}{5}$

* Hướng dẫn HS nhận xét và rút ra cách quy đồng (như SGK)

- GV gọi HS phát biểu quy tắc.

- **Nhận xét, khen ngợi, chốt: Thực chất của việc quy đồng mẫu số các phân số là sử dụng tính chất cơ bản của phân số làm cho 2 phân số có mẫu số bằng nhau.**

*** Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2**

- HS trình bày lại cách quy đồng

- HS nêu quy tắc. (SGK trang 115)

- Lắng nghe

- HS lấy VD về quy đồng MS các phân số và thực hành.

3. HĐ thực hành (18p)

*** Mục tiêu:** Thực hiện quy đồng được mẫu số các phân số

*** Cách tiến hành:** Cá nhân – Nhóm – Lớp

Bài 1:

- Chiếu nội dung bài tập.

- Gọi HS đọc đề bài.

- GV nhận xét, chốt, khen ngợi/ động viên.

- Chốt lại cách quy đồng MS các PS

+ *Ta có thể chọn MSC ở phần a là bao nhiêu để kết quả quy đồng gọn gàng hơn?*

Bài 2: HS chơi trò chơi.

- GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS

Lưu ý GV giúp đỡ HS M1+M2 quy đồng được phân số.

4. Hoạt động ứng dụng (1p)

- Làm cá nhân - Chia sẻ nhóm 2 – Lớp

Đáp án:

a. *Ta có:*

$$\frac{5}{6} = \frac{5 \times 4}{6 \times 4} = \frac{20}{24}$$

$$\frac{1}{4} = \frac{1 \times 6}{4 \times 6} = \frac{6}{24}$$

b. *Ta có:*

$$\frac{3}{5} = \frac{3 \times 7}{5 \times 7} = \frac{21}{35}$$

$$\frac{3}{7} = \frac{3 \times 5}{7 \times 5} = \frac{15}{35}$$

c. *Ta có:*

$$\frac{9}{8} = \frac{9 \times 9}{8 \times 9} = \frac{81}{72}$$

$$\frac{8}{9} = \frac{8 \times 8}{9 \times 8} = \frac{64}{72}$$

+ *MSC: 12*

- HS làm cá nhân vào vở - Chia sẻ lớp

a. *Ta có:*

$$\frac{7}{5} = \frac{7 \times 11}{5 \times 11} = \frac{77}{55}$$

$$\frac{8}{11} = \frac{8 \times 5}{11 \times 5} = \frac{40}{55}$$

b. *Ta có:*

$$\frac{5}{12} = \frac{5 \times 8}{12 \times 8} = \frac{40}{96}$$

$$\frac{3}{8} = \frac{3 \times 12}{8 \times 12} = \frac{36}{96}$$

c. *Ta có:*

$$\frac{17}{10} = \frac{17 \times 7}{10 \times 7} = \frac{119}{70}$$

$$\frac{9}{7} = \frac{9 \times 10}{7 \times 10} = \frac{90}{70}$$

- Ghi nhớ cách quy đồng MS các PS

BTPTNL: Viết các phân số sau đây